

Bản án số: 19/2023/DS-ST

Ngày 12 -5-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hùng

Ông Tạ Kỳ Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị G**, sinh năm: 1954, địa chỉ: **khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh**, (có mặt);

- *Bị đơn:* Anh **Lê Minh L** (B), sinh năm: 1994; địa chỉ: **khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh**, (có mặt);

Chị **Trương Thị Khánh H**, sinh 1992; địa chỉ: **ấp C, xã C, huyện G, tỉnh Tây Ninh**. Tạm trú: **khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh**, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 14-11-2021, qua làm việc cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà **Đặng Thị G** trình bày:*

Bà yêu cầu vợ chồng **Lê Minh L** và **Trương Thị Khánh H** phải trả cho bà số tiền vay là 5.800.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k 99. Do bà và **L** là bà con chòm xóm quen biết nhau. Vào ngày 28-3-2019 vợ chồng **L** (B), **H** có vay của bà số

tiền 4.000.000 đồng để mua gạch xây nhà. Ngày 06-4-2019 vợ chồng **Linh H1** vay tiếp số tiền 6.000.000 đồng để gắn cửa, nhưng không có tiền nên bà đưa 1.800.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k99 không nhớ hiệu, lúc vay không hẹn thời gian trả, lãi 6%/tháng, vàng thì không nói lãi bao nhiêu cả, lúc vay con bà **Bùi Minh T** viết giấy mượn nợ hai vợ chồng **L, H1** ký tên nhận tiền, vàng. Từ khi vay đến ngày 20-10-2020 **L** có trả cho bà 1.000.000 đồng tiền lãi, bà có ghi phía sau tờ giấy nợ, bà đến đòi nợ nhiều lần thì **H1** còn gây cãi cho rằng vàng bán 3.200.000 đồng thì trả bấy nhiêu, bà nói mượn vàng thì trả vàng, theo giấy mà tính, hai bên cãi vã nhau, nên bà kiện. Nay bà yêu cầu hai vợ chồng **Lê Minh L** và **Trương Thị Khánh H** phải trả số tiền vay là 5.800.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k 99, không tính lãi suất. Tại phiên tòa bà yêu cầu trả lại 4.800.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k99. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn chị **Trương Thị Khánh H** trình bày: Chị **H** xác nhận vợ chồng chị có vay của bà **G** 5.800.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k, chị bán vàng được 3.200.000 đồng, bà **G** qui ra 10.000.000 đồng, hàng tháng bà **G** lấy lãi 1.200.000 đồng, chị trả đủ được 14 tháng, đến tháng thứ 15 không nhớ ngày tháng nào, mà năm 2020 anh **L** trả 700.000 đồng bà **G** không nhận còn chửi mắng nên chị không trả lãi nữa, cách 03 tháng sau chị trả cho bà **G** tiền vốn là 5.000.000 đồng và 2.000.000 đồng lãi, chị yêu cầu bà **G** về nhà ký giấy trả nợ, bà **G** nói để bà tự ký, sau đó anh **L** trả 1.000.000 đồng thì có ghi vô giấy nợ, sau đó chị trả cho bà **G** 4.000.000 đồng là đủ 10.000.000 đồng, chị yêu cầu bà lấy giấy ký tên, nhưng bà nói để về nhà tự bà xé giấy nợ. Đến cuối năm 2020 bà **G** đến nhà lấy 2.000.000 đồng lãi chị cũng trả luôn. Việc chị trả nợ cho bà **G** thì không có giấy tờ chứng cứ, chị trả nợ tại nhà bà 2 Sơn gần nhà chị, có nhiều người thấy biết, nhưng do cả xóm đó ai cũng vay tiền của bà **G** nên không ai dám làm chứng cho chị, vì sợ mất lòng nhau. Nay chị không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà **G**, do chị đã trả hết số nợ này xong, việc chị trả lãi mỗi tháng 1.200.000 đồng trả 14 tháng thì chị không yêu cầu Tòa án xem xét lại. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

- Bị đơn anh **Lê Minh L** trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị **H** vợ anh, anh không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà **G**. Ngoài ra không ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị G** “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với anh **Lê Minh L** (B), chị **Trương Thị Khánh H**. Buộc anh **L** (B) và chị **H** có nghĩa vụ trả lại cho

bà **G** số tiền vay là 4.800.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k99. Ghi nhận bà **G** không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về tố tụng*: Chị **H** vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên đưa ra xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Bà **G** kiện anh **L**, chị **H** tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: Bà **G** và anh **L**, chị **H** thống nhất là ngày 28-3-2019, vợ chồng anh **L** (B), chị **H** có vay của bà **G** số tiền 4.000.000 đồng. Ngày 06-4-2019, vợ chồng anh **L**, chị **H** vay tiếp số tiền 1.800.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k99, tất cả là làm nhà, không hạn thời gian trả.

[3.1] Bà **G** cho rằng anh **L**, chị **H** chưa trả số tiền vàng trên nên bà khởi kiện, còn anh **L**, chị **H** cho rằng đã trả xong. Chứng cứ bà **G** cung cấp là 01 giấy mượn tiền ngày 28/3/2019 và ngày 06/4/2019, do anh **L**, chị **H** ký tên. Anh **L**, chị **H** xác nhận anh chị có ký tên nhận tiền vàng theo giấy mượn tiền ngày 28/3/2019 và ngày 06/4/2019 là đúng, anh chị cho rằng đã trả xong, nhưng không ghi vào giấy nợ, cũng không huỷ bỏ hay thu hồi lại giấy nợ.

[3.2] Xét thấy, giấy mượn tiền ngày 28/3/2019 và ngày 06/4/2019, thì anh **L**, chị **H** thừa nhận và có ký tên nhận tiền, vàng theo giấy nợ, anh chị cho rằng đã trả nợ xong. Tuy nhiên anh chị không có chứng cứ gì để chứng minh, giấy mượn tiền hiện vẫn còn tồn tại. Qua xác minh những người chòm xóm của các bên đương sự thì không ai biết và không ai chứng kiến việc anh **L**, chị **H** trả nợ cho bà **G**, nên không có căn cứ để xem xét.

[3.3] Đối với phía sau giấy mượn tiền có ghi ngày 20/10 B gửi 1.000.000 đồng, bà **G** cho rằng trả tiền lãi từ khi vay cho đến ngày 20/10; anh **L**, chị **H** cho rằng trả tiền vốn. Tuy nhiên trong giấy không ghi trả lãi hay vốn, nhưng thể hiện có trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay bà **G** đồng ý số tiền 1.000.000 đồng là trả tiền vốn, bà yêu cầu trả số tiền 4.800.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k99. Xét thấy yêu cầu của bà **G** là phù hợp, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **G** đối với anh **L** (B), chị **H**. Buộc anh **L**, chị **H** có trách nhiệm trả cho bà **G** số tiền 4.800.000 đồng và 01 (một) chỉ vàng 24k99, tương đương số tiền là 5.400.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.4] Ghi nhận bà **G** không yêu cầu tính lãi suất. Ghi nhận chị **H** và anh **L** không yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã trả cho bà **G**.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là có cơ sở chấp nhận.

[5] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.800.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k99, (trị giá 5.400.000 đồng) là 10.200.000 đồng x 5% = 510.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 147, 227, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Đặng Thị G** “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với anh **Lê Minh L** (B) và chị **Trương Thị Khánh H**.

Buộc anh **Lê Minh L** (B) và chị **Trương Thị Khánh H** có nghĩa vụ trả cho bà **Đặng Thị G** số tiền vay là 4.800.000 (*Bốn triệu tám trăm nghìn*) đồng và 01 (*Một*) chỉ vàng 24k99.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: Anh **Lê Minh L** (B) và chị **Trương Thị Khánh H** chịu 510.000 (*Năm trăm mười nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị **H** vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tây Ninh;
- VKS TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ;
 - Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An